

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /BC-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**BÁO CÁO**

**PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025, Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát, kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý, cụ thể như sau:

**I. Kết quả rà soát, kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh**

1. Kết quả rà soát, kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong thời gian qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục đề xuất với cơ quan có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền để bãi bỏ, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC), liên thông TTHC, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, sản phẩm hàng hóa kiểm tra chuyên ngành, theo đó đã:

- Cắt giảm, đơn giản hóa: 214/266 (chiếm 80,1%), bãi bỏ, thay thế hoặc tích hợp: 81/266 TTHC; đơn giản hóa: 133 TTHC; quy định mới: 49 TTHC, đã ban hành 19 văn bản để bãi bỏ, đơn giản hóa 214 TTHC nêu trên, gồm: 02 luật, 09 nghị định và 08 thông tư, thông tư liên tịch. Bộ đã rà soát thực hiện thí điểm liên thông 11 TTHC thuộc 03 lĩnh vực: môi trường, tài nguyên nước và quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ và đã được cụ thể hóa việc lồng ghép, liên thông giải quyết TTHC giữa giao khu vực biển để nhận chìm và cấp phép nhận chìm tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển và cấp

phép xả thải vào nguồn nước với phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020,...

- Đơn giản hóa 102/163 điều kiện đầu tư kinh doanh (chiếm 62,6%) được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2020 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định (11 Nghị định) liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; cắt giảm 38/74 sản phẩm hàng hóa liên quan đến kiểm tra chuyên ngành (đạt 51,3%) được cụ thể hóa tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 03/2018/TT-BTNMT ngày 14/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về TTHC liên quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đặc biệt, trong năm 2020, Bộ đã tiếp tục đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, bãi bỏ 13 sản phẩm hàng hóa (đạt 36%) tại Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24/9/2020 ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, theo đó, đến nay, Bộ chỉ còn quản lý **23** sản phẩm hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành.

- Trước khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP, Bộ đã chủ động rà soát, đơn giản hóa chế độ báo cáo liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực môi trường, theo đó, tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường chỉ quy định 01 loại báo cáo công tác bảo vệ môi trường thay vì quy định 27 loại báo cáo khác nhau liên quan đến lĩnh vực môi trường tại 11 văn bản quy phạm pháp luật. Mặt khác, tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, TTHC trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tiếp tục được cải cách mạnh mẽ, theo đó, có 07 TTHC được bãi bỏ; 08 TTHC được tích hợp trong 01 TTHC cấp, điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường; các TTHC sẽ được sửa đổi, bổ sung trong quá trình xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

Mặt khác, trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Bộ đã chủ động đề xuất và được Chính phủ ban hành Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, theo đó, đã đơn giản hóa việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả TTHC thuộc lĩnh vực đất đai theo hướng dịch vụ công trực tuyến.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 68/NQ-CP nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục tổ chức rà soát các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc các lĩnh vực: đất đai, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo, khí tượng thủy văn, đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý, theo đó:

### 1.1. Số lượng thủ tục hành chính dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa

- Số lượng TTHC được rà soát: 178 TTHC
- Số lượng TTHC đề nghị bãi bỏ, đơn giản hóa: 153/178 (đạt 85%), cụ thể từng lĩnh vực:
  - + Lĩnh vực đất đai: 12/16 TTHC, chiếm 70,5%
  - + Lĩnh vực địa chất và khoáng sản: 28/32 TTHC, chiếm 87,5%
  - + Lĩnh vực tài nguyên nước: 27/32 TTHC, chiếm 84,3%
  - + Lĩnh vực khí tượng thủy văn: 08/08 TTHC, chiếm 100%
  - + Lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo: 25/25 TTHC, chiếm 100%
  - + Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý: 01/03 TTHC, chiếm 33%
  - + Lĩnh vực môi trường: 52/62 TTHC, chiếm 83,87% (bãi bỏ + sửa đổi)

### 1.2. Chi phí tuân thủ dự kiến tiết kiệm được khi thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa

Tổng chi phí tuân thủ dự kiến tiết kiệm TTHC: 131.622.701.000 đồng chiếm tỷ lệ 21,9% trên tổng chi phí tuân thủ quy định TTHC, cụ thể từng lĩnh vực:

- Lĩnh vực đất đai: chi phí tuân thủ tiết kiệm: 33.700.394.000 đồng, chiếm (17%) trên tổng số chi phí tuân thủ TTHC.
- Lĩnh vực địa chất và khoáng sản: chi phí tuân thủ tiết kiệm: 9.440.710.000 đồng, chiếm (7,98%) trên tổng số chi phí tuân thủ TTHC.
- Lĩnh vực tài nguyên nước: chi phí tuân thủ tiết kiệm: 31.925.031.000 đồng, chiếm (27%) trên tổng số chi phí tuân thủ TTHC.
- Lĩnh vực khí tượng thủy văn: chi phí tuân thủ tiết kiệm: 693.872.000 đồng, chiếm (54%) trên tổng số chi phí tuân thủ TTHC.
- Lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo: chi phí tuân thủ tiết kiệm: 4.267.141.000 đồng, chiếm (27,1%) trên tổng số chi phí tuân thủ TTHC.
- Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý: chi phí tuân thủ tiết kiệm: 685.400.000 đồng, chiếm (16,4%) trên tổng số chi phí tuân thủ TTHC.
- Lĩnh vực môi trường: chi phí tuân thủ tiết kiệm: 50.418.658.000 đồng, chiếm (34,6%) trên tổng số chi phí tuân thủ TTHC.

2. Tổng số văn bản có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ

Trên cơ sở dự kiến cắt giảm TTHC nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị xây dựng và sửa đổi 15 văn bản quy phạm pháp luật, gồm: 08 nghị định, 07 thông tư.

*(Chi tiết phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ tại Phụ lục kèm theo và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa nêu trên tại Phụ lục kèm theo )*

## **II. Đánh giá, kiến nghị**

### **1. Đánh giá những khó khăn, bất cập**

- Trong quá trình rà soát, thống kê xác định TTHC liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường vẫn còn có một số ý kiến về cách hiểu khác nhau như thế nào là TTHC liên quan đến hoạt động kinh doanh, vì theo khoản 16 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định: *Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi*. Tuy nhiên, có một số TTHC chưa xác định được tổ chức, cá nhân có nhu cầu kinh doanh hay không hoặc tổ chức, cá nhân chỉ có nhu cầu thực hiện TTHC để nhằm xác định tính pháp lý về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với kết quả TTHC đó, ví dụ: đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc chứng minh tổ chức, cá nhân không gây ô nhiễm, suy thoái môi trường...

- Việc cắt giảm một số thành phần hồ sơ liên quan đến việc khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành (cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; công dịch vụ công quốc gia,...) mà không yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện còn nhiều băn khoăn việc chia sẻ dữ liệu dùng chung để khai thác trong quá trình thẩm định TTHC (nhất là tới thời hạn giải quyết TTHC).

- Trong quá trình cập nhật, thống kê, tính toán chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trên Phần mềm còn gặp một số khó khăn như: mã số ngành nghề kinh doanh còn thiếu; chưa liên kết với cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác (cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC) vẫn yêu cầu người cập nhật phải thao tác thông tin ngày tháng, cơ quan ban hành văn bản,...

### **2. Kiến nghị**

Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành được giao quản lý các cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp, về công dân; về công bố, công khai kết quả giải quyết TTHC,... phải bảo đảm việc khai thác dùng chung trong

quá trình giải quyết TTHC; trường hợp không bảo đảm sẽ ảnh hưởng tới tiến độ chung giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp.

### **III. Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP năm 2022**

1. Thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Tiếp tục rà soát, đề xuất các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp;
- Các Thứ trưởng;
- Các Tổng cục; các Cục;
- Văn phòng bộ;
- Các Vụ: TCCB, KH-TC;
- Lưu: VT, PC, PQ.15.

**BỘ TRƯỞNG**

**Trần Hồng Hà**

**Phụ lục**  
**PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA QUY ĐỊNH**  
**LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI NGUYÊN**  
**VÀ MÔI TRƯỜNG**

(kèm theo Báo cáo số /BC-BTNMT ngày tháng năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ rà soát	Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa/lợi ích cắt giảm	Phương án thực thi
<b>A</b>	<b>LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI</b>			
<b>I</b>	<b>TTHC cấp Bộ</b>			
1	Cấp, cấp đổi, cấp lại chứng chỉ định giá đất	(1) Luật đất đai (2) Nghị định số 44/2014/N-CP (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP (5) Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện: Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.  2. Về thành phần hồ sơ 2.1. Bỏ giấy chứng nhận đã hoàn thành về bồi dưỡng định giá đất Lý do: thành phần hồ sơ này, cơ quan cấp chứng chỉ đã có. Do đó, chỉ cần sửa đổi ở Mẫu đơn đề nghị cấp chứng chỉ theo hướng bổ sung thông tin đã tham gia khóa học 2.2. Bỏ Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (sau đây gọi là giấy tờ tùy thân) của người đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất. Lý do: Thành phần hồ sơ này đã có trong dữ liệu quản lý dân cư. Do đó, cơ quan cấp chứng chỉ sẽ khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với thông tin cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ. 2.3. Về hình thức nộp các thành phần hồ sơ: - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ.... Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy	1. Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT  2. Bãi bỏ điểm b, điểm d khoản 1 Điều 5 Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT.  3. Sửa đổi điểm đ khoản 1; đoạn cuối khoản 1 Điều 5 Thông tư số 61/2015/TT-

			<p>định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>3. Ngoài ra, bỏ Điều 4 Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT cho phù hợp với quy định của pháp luật đầu tư, đồng thời điều kiện này đã được quy định tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.023.572.400 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 390.092.400 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 633.480 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 61%.</p>	<p>BTNMT</p> <p>3. Bãi bỏ Điều 4 Thông tư 61/2015/TT-BTNMT</p>
2	Thẩm định, đánh giá đủ điều kiện, năng lực của tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	<p>(1) Luật số Đất đai</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP</p> <p>(4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Về trình tự thực hiện: quy định cụ thể trình tự giải quyết TTHC cụ thể theo các bước (nộp, tiếp nhận, xử lý hồ sơ; thẩm định; trả kết quả). Lý do: pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể, việc quy định cụ thể sẽ gắn trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết của từng cơ quan.</p> <p>2. Về cách thức thực hiện: Quy định cụ thể cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định.</p> <p>3. Về thành phần hồ sơ</p> <p>3.1. Sửa lại tên thành phần hồ sơ “giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính: Lý do: cho phù hợp với Điều 29 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.</p> <p>3.2. Bỏ thành phần hồ sơ “chứng chỉ đào tạo về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai” Lý do: theo quy định về điều kiện của ngành nghề kinh doanh xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thì cá nhân phải bảo đảm về trình độ từ đại học trở lên có các chuyên ngành đào tạo,...không nhắc đến chứng chỉ đào tạo.</p> <p>4. Về kết quả giải quyết TTHC: Mẫu hóa kết quả giải quyết TTHC.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p>	<p>Sửa đổi khoản 5 Điều 5b Nghị định số 01/2017/NĐ-CP</p>

			<p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.659.000 đồng</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.174.000 đồng</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 3.485.000đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 32 %.</p>	
<b>II</b>	<b>TTHC cấp Tỉnh</b>			
1	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án <u>phải trình</u> cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>	<p>(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p> <p>(3) Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT</p> <p>4) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>Về thành phần hồ sơ</p> <p>- Bỏ thành phần hồ sơ: Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất</p> <p>Lý do: thành phần hồ sơ này cơ quan xem xét, giao đất, cho thuê đất đã có và lưu văn bản này.</p> <p>- Bỏ thành phần hồ sơ: Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.</p> <p>Lý do: đã quy định cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.371.200.000 đồng</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.073.600.000</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 1.297.600.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 13,8 %.</p>	<p>Bãi bỏ điểm c, d khoản 1 Điều 3 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT</p>
2	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án <u>không phải trình</u> cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn</p>	nt	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>Về thành phần hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ: Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.</p> <p>Lý do: đã quy định cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.371.200.000 đồng</p>	<p>Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT</p>



	giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao		2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.073.600.000 3. Chi phí tiết kiệm: 1.297.600.000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 13,8 %.	
<i>Trường hợp đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai</i>				
3	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (5) Thông tư số 02/2014/T-BTC ngày 02/01/2014 (6) Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 (7) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ khi nộp các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, các Điều 18, 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (nếu có) để làm thủ tục đăng ký lần đầu hoặc đăng ký biến động theo quy định tại các Điều 8, 9, 9a, 9b và 10 của Thông tư này; nộp chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký biến động về đất đai, tài sản gắn liền với đất. Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 33.853.440.000 đồng/năm. 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28.569.600.000 đồng/năm. 3. Chi phí tiết kiệm: 5.283.840.000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,6 %.	Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 11 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT
4	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	nt	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa Về thành phần hồ sơ: Mẫu hóa văn bản đề nghị giải quyết TTHC Lý do: bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC. II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa:	Sửa đổi Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT

			<p>2.821.122.000 đồng/năm.</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.388.800.000 đồng/năm.</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 432.322.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,3%.</p>	
5	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	<p>(1) Luật đất đai</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 118/2014/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT</p>	<p>1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 846.366.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 714.240.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm 132.126.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,6 %.</p>	Sửa đổi khoản 1 Điều 7 Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT
<i>Trường hợp chưa thành lập Văn phòng đăng ký đất đai</i>				
6	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	<p>(1) Luật đất đai</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p> <p>(3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT</p> <p>(4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT</p> <p>(5) Thông tư số 02/2014/T-BTC</p> <p>(6) Nghị định số 76/2015/NĐ-CP</p> <p>(7) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ khi nộp các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, các Điều 18, 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (nếu có) để làm thủ tục đăng ký lần đầu hoặc đăng ký biến động theo quy định tại các Điều 8, 9, 9a, 9b và 10 của Thông tư này; nộp chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký biến động về đất đai, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 33.853.440.000 đồng/năm.</p>	Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 11 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT

			<p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28.569.600.000 đồng/năm.</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 5.283.840.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,6 %.</p>	
7	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	nt	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ: Mẫu hóa văn bản đề nghị giải quyết TTHC Lý do: bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.821.122.000 đồng/năm.</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.388.800.000 đồng/năm.</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 432.322.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,3%.</p>	Sửa đổi Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT
8	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	<p>(1) Luật đất đai</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 118/2014/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT</p>	<p>1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 846.366.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 714.240.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm 132.126.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,6 %.</p>	Sửa đổi khoản 1 Điều 7 Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT
<b>III</b>	<b>TTHC cấp huyện</b>			
1	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	<p>(1) Luật đất đai</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p> <p>(3) Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT</p> <p>(4) Nghị định số</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Về thành phần hồ sơ - Bổ thành phần hồ sơ: Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất. Lý do: đã quy định cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những</p>	Sửa đổi khoản 1 Điều 4 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT

		01/2017/NĐ-CP	<p>nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.422.697.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.702.566.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 1.720.131.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 13,8 %.</p>	
2	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	<p>(1) Luật đất đai</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p> <p>(3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT</p> <p>(4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT</p> <p>(5) Thông tư số 02/2014/T-BTC</p> <p>(6) Nghị định số 76/2015/NĐ-CP</p> <p>(7) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ khi nộp các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, các Điều 18, 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (nếu có) để làm thủ tục đăng ký lần đầu hoặc đăng ký biến động theo quy định tại các Điều 8, 9, 9a, 9b và 10 của Thông tư này; nộp chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký biến động về đất đai, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 31.164.560.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 26.300.400.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 4.864.160.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,6 %.</p>	Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 11 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT
3	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	nt	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>Về thành phần hồ sơ: Mẫu hóa văn bản đề nghị giải quyết TTHC</p> <p>Lý do: bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC.</p>	Sửa đổi Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT

			<p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.116.456.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.630.040.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm 486.416.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,6%.</p>	
4	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	<p>(1) Luật đất</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 118/2014/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT</p>	<p>1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 846.366.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 714.240.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm 132.126.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,6 %.</p>	Sửa đổi khoản 1 Điều 7 Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT

STT	Tên thủ tục hành chính	VBQPPL quy định TTHC	Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa/lợi ích cắt giảm	Phương án thực thi
<b>B</b>	<b>LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN</b>			
<b>I</b>	<b>TTHC cấp Trung ương</b>			
1	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình	(1) Luật Khoáng sản (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP (3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Việc quy định mở cách thức trả kết quả sẽ phù hợp với tình hình thực tế hiện nay khi thực hiện cung cấp dịch vụ hành chính công (có thể tra dịch vụ bưu chính)</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Lý do: khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Bãi bỏ Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò (cấp giấy phép khai thác khoáng sản) Lý do: cơ quan cấp phép đã có văn bản này.</p> <p>- Bãi bỏ báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt) Lý do: cơ quan cấp phép đã có văn bản này.</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 54; điểm a khoản 2 Điều 55 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

		<p>hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Quyết định chủ trương đầu tư (đối với trường hợp nhà đầu tư trong nước), Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài); các văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu hoặc bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường trường hợp được các Bộ ngành, địa phương phê duyệt.</p> <p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>4.1. Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC ( thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định) từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p><i>Tổng thời gian đề xuất cắt giảm từ: 90 xuống còn 84 ngày (giảm 06 ngày)</i></p> <p>4.2. Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC ( thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định) từ 10 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa 2.614.680.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa:</p>	<p>4.1. Điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 60 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4.2. Điểm b khoản 1, khoản 3, 4 Điều 63 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
--	--	---	--

			<p>2.421.280 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 193.400.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 7,4 %.</p>	
2	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ: - Bỏ thành phần hồ sơ: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính kèm theo để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Lý do: cơ quan thẩm định khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử; Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.924.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3,110,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 6.814.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 68,6 %.</p>	<p>1. Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP</p> <p>2. Điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 68 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
3	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	nt	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ: - Bỏ thành phần hồ sơ: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính kèm theo để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Lý do: cơ quan thẩm định khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử; Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.</p>	<p>1. Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP</p> <p>2. Điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 68 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>



			<p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.924.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3,110,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 6.814.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 68,6 %.</p>	
4	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p> <p>(4) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP</p> <p>(5) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP</p> <p>(6) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT</p> <p>(7) Thông tư số 191/2016/TT-BTC</p> <p>(8) Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT</p> <p>(9) Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT</p> <p>(10) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</p> <p>Lý do: khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Bãi bỏ văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản</p> <p>Lý do: cơ quan cấp phép đã có văn bản này.</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; Kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp thăm dò khoáng sản độc hại; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu, trường hợp đề nghị thăm dò quặng phóng xạ, kèm theo hồ sơ còn có văn bản thẩm định an toàn của Cục an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 1 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

			<p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định cụ thể trong thời gian (01-3 ngày) kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp phép và hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu.</li> </ul> <p>Lý do: Nghị định số 158/2017/NĐ-CP chưa quy định rõ ràng, minh bạch, dẫn đến nhiều cách hiểu, áp dụng khác nhau.</p> <p>4.1. đối với thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,306,380,000 đồng/năm.</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,210,640,000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 96.240.000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 7,3 %.</li> </ol>	<p>4. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4.1. Điểm b khoản 2 và khoản 5, khoản 6 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
5	<p>Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản</p>	<p>(1) Luật Khoáng sản (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; (3) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> </ul> </li> </ol> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. Về hình thức trả kết quả TTHC <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</li> </ul> </li> </ol> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số</p>

		<p>(5) Thông tư số 191/2016/TT-BTC; (6) Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT; (7) Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT (8) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC</p>	<p>quan tiếp nhận hồ sơ. 3. Về số thành phần hồ sơ Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản. 4. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 682.240.000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 605,100,000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 77.140.000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 11,3 %.</p>	<p>158/2016/NĐ-CP 3. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP 4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
6	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP (3) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT (5) Thông tư số 191/2016/TT-BTC</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. 2. Về hình thức trả kết quả TTHC - Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. 3. Về số thành phần hồ sơ - Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Lý do: khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: các văn</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP 2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP 3. Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

			<p>bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 42; khoản 3 Điều 43 Luật khoáng sản.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 273.008.000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 247.236.000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 30.968.888 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 11,3 %.</li> </ol>	<p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
7	<p>Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản</p>	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</li> </ul> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> </ol> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</li> </ul> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. Về số thành phần hồ sơ</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị trả lại.</li> </ul> <ol style="list-style-type: none"> <li>4. Về thời gian giải quyết TTHC</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</li> <li>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</li> <li>3. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</li> <li>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65 Nghị định số</li> </ol>

			<p>làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 682.240.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 605.100.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 77.140.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 11,3 %.</p>	158/2016/NĐ-CP
8	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.</p> <p>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản</p> <p>Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 341.120.000 đồng/năm</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi Điểm b khoản 1 và 2 và Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

			<p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 302.550.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 38.570.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 11,3%.</p>	
9	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</p> <p>Lý do: khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản</p> <p>Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>- Về hình thức thành phần hồ sơ: trao đổi Cục CNTT nếu yêu cầu bản chính hoặc chứng thực có thực hiện đc trên môi trường mạng?</p> <p>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản</p> <p>Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm b, c khoản 4 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi Điểm b khoản 1 và 2 và Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

			<p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 273.008.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 242.040,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 30.968.888 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 11,3 %.</p>	
10	<p>Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản</p>	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại.</p> <p>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản</p> <p>Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.</p> <p>- Giảm thời gian thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn từ 30 ngày xuống còn 20 ngày</p> <p>Lý do: hãm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi Điểm b khoản 1 và 2 và Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

			<p>gia hạn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 341.120.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 302.550.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 38.570.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 11,3 %.</p>	
11	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- <i>Bỏ Đề án và cấp giấy phép thăm dò khoáng sản; Giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong khu vực được phép khai thác.</i></p> <p>Lý do: cơ quan nhà nước đã có thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 312.648.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 299.643.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 13.005.000 đồng/năm.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm khoản 2 Điều 50 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi Điều 66 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>



12	Đóng cửa mỏ khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 4,1 %.</p> <p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC - Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ - Bãi bỏ giấy phép khai thác khoáng sản Lý do: cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: phương án cải tạo, phục hồi môi trường, kèm theo quyết định phê duyệt; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ. - Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp - Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 76.830.000 đồng/năm</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Điểm 4 khoản 1 và khoản 4 Điều 60 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
----	------------------------	---	--	---

			<p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 63.825.000 đồng/nă</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 13.005.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 16,9 %.</p>	
<b>II</b>	<b>TTHC cấp tỉnh</b>			
1	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận theo hướng: Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Việc quy định mở cách thức trả kết quả sẽ phù hợp với tình hình thực tế hiện nay khi thực hiện cung cấp dịch vụ hành chính công (có thể tra dịch vụ bưu chính)</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Bãi bỏ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, huyện.</p> <p>Lý do: cơ quan cấp phép đã lưu trữ thành phần hồ sơ này.</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: văn bản quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình (nếu có); Quyết định phê duyệt dự án xây dựng công trình của cơ quan có thẩm quyền; bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản nằm trong diện tích xây dựng công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); Báo cáo đánh giá tác động môi trường (không thuộc thẩm quyền phê duyệt của tỉnh) của dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>4.1. Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản</p>	<p>1. Sửa đổi khoản 3 Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.</p> <p>2. Sửa đổi khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.</p> <p>3. Sửa đổi khoản 2 Điều 54 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

			<p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC ( thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định) từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>4.2. Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC ( thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định) từ 10 ngày xuống 03 ngày làm việc. Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20.917.440.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 19.370.240.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 193.400.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 7,3 %.</p>	<p>4.1. Điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 60 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4.2. Điểm b khoản 1, khoản 3, 4 Điều 63 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
2	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ: - Bỏ thành phần hồ sơ: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính kèm theo để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Lý do: cơ quan thẩm định khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p>	<p>1. Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP</p> <p>2. Điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 68</p>

		BTNMT-BTC	<p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử; Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 635.136.000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 199.040.000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 436.096.000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 68,6 %.</li> </ol>	Nghị định 158/2016/NĐ-CP
3	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	<p>(1) Luật Khoáng sản (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP (3) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP (4) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</li> <li>2. Về thành phần hồ sơ: - Bổ thành phần hồ sơ: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính kèm theo để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Lý do: cơ quan thẩm định khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử; Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.</li> </ol> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 635.136.000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 199.040.000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 436.096.000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 68,6 %.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP</li> <li>2. Điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 68 Nghị định 158/2016/NĐ-CP</li> </ol>
4	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP (3) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</li> </ol>

		<p>(4) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP</p> <p>(5) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP</p> <p>(6) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT</p> <p>(7) Thông tư số 191/2016/TT-BTC</p> <p>(8) Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT</p> <p>(9) Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT</p> <p>(10) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC</p>	<p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</p> <p>Lý do: khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Bãi bỏ văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản</p> <p>Lý do: cơ quan cấp phép đã có văn bản này.</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; Kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp thăm dò khoáng sản độc hại; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu Trường hợp đề nghị thăm dò quặng phóng xạ, kèm theo hồ sơ còn có văn bản thẩm định an toàn của Cục an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Quy định cụ thể trong thời gian (01-3 ngày) kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp phép và hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu.</p> <p>Lý do: Nghị định số 158/2017/NĐ-CP chưa quy định rõ ràng, minh bạch, dẫn đến nhiều cách hiểu, áp dụng khác nhau</p> <p>4.1. đối với thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản</p>	<p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 1 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 58</p> <p>4.1. Điểm a khoản 2 Điều 59 và khoản 5,</p>
--	--	---	--	---

			<p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.728.064.000 đồng/năm.</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.496.192.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 1.231.872.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 7,3 %.</p>	<p>khoản 6 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
5	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP (3) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT (5) Thông tư số 191/2016/TT-BTC (6) Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT (7) Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT (8) Thông tư liên tịch số</p>	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC - Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 2 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65</p>

		54/2014/TTLT-BTNMT-BTC	<p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.366.336.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.872.640.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 493.696.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 11,3 %.</p>	Nghị định số 158/2016/NĐ-CP
6	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP (3) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT (5) Thông tư số 191/2016/TT-BTC</p>	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</p> <p>Lý do: khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: các văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 42; khoản 3 Điều 43 Luật khoáng sản;</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 4 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65</p>

			<p>làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.368.168.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.872.640.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 495.488.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 11,3 %.</p>	<p>Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
7	<p>Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản</p>	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị trả lại.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.366.336.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.872.64.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 493.696.000 đồng/năm.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 3 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>



8	<p>Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản</p>	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010  (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016  (3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 11,3 %.</p> <p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC  - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:  Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.  Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC  - Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.  Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ  - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.  - Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản  Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC  - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc  Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.549.504.000 đồng/năm  2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.808.960.000 đồng/năm  3. Chi phí tiết kiệm: 740.544.000 đồng/năm.  4. Tỷ lệ cắt giảm: 11,3 %.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
---	---	---	---	---

9	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</p> <p>Lý do: khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản</p> <p>Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>- Về hình thức thành phần hồ sơ: trao đổi Cục CNTT nếu yêu cầu bản chính hoặc chứng thực có thực hiện đc trên môi trường mạng?</p> <p>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản</p> <p>Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b và điểm c khoản 4 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
---	--	---	--	---

			<p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.368.128.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.872.640.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 495.488.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 11,3 %.</p>	
10	<p>Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản</p>	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại.</p> <p>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản</p> <p>Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.549.504.000 đồng/năm</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 3 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

			<p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.808.960.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 740.544.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 11,3 %.</p>	
11	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- <i>Bãi bỏ Đề án và cấp giấy phép thăm dò khoáng sản; Giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong khu vực được phép khai thác.</i></p> <p>Lý do: cơ quan nhà nước đã có thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 40.018.944.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 38.354.304.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 1.664.640.000 đồng/năm.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm khoản 2 Điều 50 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi Điều 66 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

12	Đóng cửa mỏ khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 4,1 %.</p> <p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Bãi bỏ giấy phép khai thác khoáng sản</p> <p>Lý do: cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này.</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: phương án cải tạo, phục hồi môi trường, kèm theo quyết định phê duyệt; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ.</p> <p>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản</p> <p>Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm 4 khoản 1 và khoản 4 Điều 60 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
----	------------------------	---	--	---

			<p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.278.080.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.723.200.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 554.880.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 16,9 %.</p>	
13	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Bãi bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Lý do: cơ quan cấp phép khai thác thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</p> <p>- Bãi bỏ Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường trường hợp địa phương phê duyệt</p> <p>Lý do: cơ quan cấp phép đã lưu thành phần hồ sơ này.</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường trường hợp các bộ ngành, địa phương phê duyệt.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 52 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

			<p>làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.549.504.000 đồng</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.808.960.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 740.544.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 11,3 %.</p>	
14	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: ác văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.366.336.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.872.640.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 493.696.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 11,3 %.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 52 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

15	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC - Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.366.336.000 đồng</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.872.640.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 497.040.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 11,3 %.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 3 Điều 52 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
16	Chấp thuận tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-</p>	<p>1. Về cách thức thực hiện: Quy định cụ thể cách thức gửi hồ sơ đề nghị khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản. Lý do: Nghị định số 158/2016/NĐ-CP chưa quy định cụ thể</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ: Mẫu hóa văn bản đề nghị UBND tỉnh được phép khảo sát thực địa, lấy mẫu</p>	Sửa đổi Điều 32 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP



	CP ngày 29/11/2016 (3) Thông tư số 45/2016/TT- BTNMT ngày 26/12/2016	trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản Lý do: mẫu hóa hồ sơ sẽ giúp tổ chức, cá nhân được thực hiện một cách thống nhất. II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 209.792.000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 163.336.000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 46.456.000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 22,1 %.	
--	---	---	--

STT	Tên thủ tục hành chính	VBQPPL quy định TTHC	Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa/lợi ích cắt giảm	Phương án thực thi
<b>C</b>	<b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC</b>			
<b>I</b>	<b>TTHC cấp Trung ương</b>			
1	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành	(1) Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH12 ngày 21/6/2012 (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013	<p>I. Về trình tự thực hiện:</p> <p>1. Bổ sung quy định trình tự thực hiện đối với trường hợp công trình chưa khai thác tài nguyên nước với trình tự, thủ tục độc lập với thủ tục cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước Lý do: Việc dự kiến thời gian vận hành công trình để làm căn cứ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước khi công trình chưa đi vào vận hành làm phát sinh thủ tục nộp, thẩm định, trình phê duyệt Quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền</p> <p>2. Quy định cụ thể hơn về nộp hồ sơ đề nghị tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; đồng thời bãi bỏ quy định <i>thực hiện đồng thời với thủ tục gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước</i> Lý do: Nghị định số 82/2017/NĐ-CP mới quy định việc tiếp nhận, thẩm định HS đồng thời với cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước. Chưa quy định việc tổ chức, cá nhân nộp HS như thế nào. Đồng thời việc tính tiền cấp quyền khai thác chỉ thực hiện đồng thời với trường cấp giấy phép tài nguyên nước.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 176.160.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 80.940.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 95.220.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 54%.</p>	<p>1. Nội dung này đã được sửa đổi tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021</p> <p>2. Nội dung này đã được sửa đổi tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021</p>
2	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm trở lên	(1) Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH12 ngày 21/6/2012 (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 (3) Nghị định số	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định tính đầy đủ và hợp lệ giấy</p>	<p>1. Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>

		<p>60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016</p> <p>(4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014</p> <p>(5) Thông tư số 270/2016/TT-BC ngày 14/11/2016</p> <p>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 0/10/2018.</p>	<p>phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về số lượng hồ sơ</p> <p>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</p> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Bãi bỏ quy định: trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình.</p> <p>Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn và đủ thời gian.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 709.800.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 609.720.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 100.080.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 14%.</p>	<p>3. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>
3	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên</p>	<p>(1) Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH12 ngày 21/6/2012</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013</p> <p>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định tính đầy đủ và hợp lệ giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>1. Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>

		<p>ngày 01/7/2016 (4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 (5) Thông tư số 270/2016/TT-BC ngày 14/11/2016 (6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 0/10/2018</p>	<p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. 3. Thành phần hồ sơ - Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này. 4. Về số lượng hồ sơ - Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ: Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến. - Bãi bỏ quy định: trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình. Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý. 5. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian. - Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 286.980.000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 221.805.000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 65.175.000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 22,7 %.</p>	<p>3. Bỏ điểm c khoản 2 Điều 30 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP  4. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP  5. Sửa đổi điểm b khoản 1 khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>
4	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công	(1) Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH12 ngày	<p>I. Về cách thức thực hiện 1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p>	1. Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định

	trình có lưu lượng từ 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm trở lên	<p>21/6/2012</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013</p> <p>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016</p> <p>(4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014</p> <p>(5) Thông tư số 270/2016/TT-BC ngày 14/11/2016</p> <p>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 0/10/2018</p>	<p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định tính đầy đủ và hợp lệ giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về số lượng hồ sơ</p> <p>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</p> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Bãi bỏ quy định: trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình.</p> <p>Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.081.440.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 916.372.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 165.068.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,2 %.</p>	<p>201/2013/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>
5	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng	(1) Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH12 ngày	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p>	1. Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định

<p>nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên</p>	<p>21/6/2012  (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013  (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016  (4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014  (5) Thông tư số 270/2016/TT-BC ngày 14/11/2016  (6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 0/10/2018</p>	<p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.  2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC  - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định tính đầy đủ và hợp lệ giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.  Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.  3. Thành phần hồ sơ  - Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp  Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.  4. Về số lượng hồ sơ  - Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:  Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.  - Bãi bỏ quy định: trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình.  Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.  5. Về thời gian giải quyết TTHC  - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc  Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạn, cấp lại trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.  - Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc  Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn  II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa  1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 513.400.000 đồng/năm</p>	<p>201/2013/NĐ-CP  2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP  3. Bỏ điểm d khoản 2 Điều 31 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP  4. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP  5. Sửa đổi điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>
---	---	--	--

			<p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 426.520.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 86.880.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 16,9 %.</p>	
6	<p>Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2m<sup>3</sup>/giây trở lên; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 100.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên</p>	<p>(1) Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH12 ngày 21/6/2012</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013</p> <p>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016</p> <p>(4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014</p> <p>(5) Thông tư số 270/2016/TT-BC ngày 14/11/2016</p> <p>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 0/10/2018</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định tính đầy đủ và hợp lệ giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về số lượng hồ sơ - Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ: Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến. - Bãi bỏ quy định: trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình. Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian. - Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.165.020.000 đồng/năm</p>	<p>1. Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>

			<p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.054.960.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 110.060.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 9,4 %.</p>	
7	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2m<sup>3</sup>/giây trở lên; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 100.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm trở lên</p>	<p>(1) Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH12 ngày 21/6/2012</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013</p> <p>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016</p> <p>(4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014</p> <p>(5) Thông tư số 270/2016/TT-BC ngày 14/11/2016</p> <p>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 0/10/2018</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Thành phần hồ sơ - Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về số lượng hồ sơ - Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ: Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến. - Bãi bỏ quy định: rường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình. Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.</p> <p>5. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p>	<p>1. Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>3. Bỏ điểm d khoản 2 Điều 32 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>5. Sửa đổi điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 36 Nghị định số</p>



			<p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạ, cấp lại trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 615.966.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 529.080.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 86.886.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 14,1 %.</p>	201/2013/NĐ-CP
8	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm trở lên đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm trở lên đối với các hoạt động khác	<p>(1) Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH12 ngày 21/6/2012</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013</p> <p>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016</p> <p>(4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014</p> <p>(5) Thông tư số 270/2016/TT-BC ngày 14/11/2016</p> <p>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 0/10/2018</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về số lượng hồ sơ</p> <p>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</p> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Bãi bỏ quy định: trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình.</p> <p>Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống</p>	<p>1. Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>3. Bỏ điểm d khoản 2 Điều 32 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b</p>

			<p>còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 05 ngày làm việc là đủ thời gian.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.456.275.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.456.275.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 0 %.</p>	<p>khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>
9	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng từ 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên đối với các hoạt động khác</p>	<p>(1) Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH12 ngày 21/6/2012</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013</p> <p>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016</p> <p>(4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014</p> <p>(5) Thông tư số 270/2016/TT-BC ngày 14/11/2016</p> <p>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 0/10/2018</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Thành phần hồ sơ</p> <p>- Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp</p> <p>Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về số lượng hồ sơ</p> <p>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</p> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Bãi bỏ quy định: rường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình.</p>	<p>1. Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>3. Bỏ điểm d khoản 2 Điều 33 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>

			<p>Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.</p> <p>5. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạn, cấp lại trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 461.925.000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 461.925.000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 0 %.</li> </ol>	<p>5. Sửa đổi điểm b khoản 1 khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>
10	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn	<ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Luật tài nguyên</li> <li>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</li> <li>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP</li> <li>(4) Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</li> <li>(5) Thông tư số 270/2016/TT-BC</li> <li>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</li> </ol>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</li> </ol> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</li> </ul> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> </ol> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. Về thành phần hồ sơ:</li> </ol> <ol style="list-style-type: none"> <li>3.1. Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép; trường hợp chỉ có bản sao chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu;</li> </ol> <p>Lý do: tại Đơn đề nghị cấp phép đã có thông tin về doanh nghiệp; cơ quan thẩm định khai thác thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</li> <li>2. Sửa đổi Điều 12 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</li> <li>3.1. Sửa đổi Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất</li> </ol>

			<p>quốc gia về doanh nghiệp</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: quyết định thành lập của tổ chức; các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật</p> <p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>4. Về số lượng hồ sơ</p> <p>- Bãi bỏ quy định: Trường hợp cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép là Cục Quản lý tài nguyên nước thì tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép phải gửi thêm một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương nơi đăng ký địa chỉ thường trú của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.</p> <p>5. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Quy định cụ thể thời gian trả kết quả TTHC cho tổ chức, cá nhân,</p> <p>Lý do: pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này, dẫn đến tùy tiện trong quá trình thực hiện.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 342.270.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 239.670.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 102.600.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 29,9 %.</p>	<p>3.2. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>4. Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p>
11	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn</p>	<p>(1) Luật tài nguyên (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP (4) Thông tư số 40/2014/TT-</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài</p>	<p>1. Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>2. Sửa đổi Điều 12 Thông tư số</p>

		<p>BTNMT (5) Thông tư số 270/2016/TT-BC (6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p>	<p>nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. 3. Về thành phần hồ sơ: - Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp Lý do: Trong đơn đề nghị đã có thông tin. Mặt khác thành phần hồ sơ này đã được lưu tại cơ quan cấp phép - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: quyết định thành lập của tổ chức; các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 118.225.000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 95.725.000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 22.500.000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 19 %.</p>	<p>40/2014/TT-BTNMT  3. Bổ điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p>
12	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	<p>(1) Luật tài nguyên nước (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP (3) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện 1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả. 2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định tính đầy đủ và hợp lệ giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. 3. Thời gian - Giảm thời gian tiếp nhận hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày.</p>	<p>1. Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP 2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP 3. Sửa đổi khoản 4 Điều</p>

			<p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 285.705.000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 134.015.000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 151.690.000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 53%.</li> </ol>	36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP
13	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn	<ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Luật tài nguyên nước</li> <li>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</li> <li>(3) Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</li> </ol>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả</li> <li>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định tính đầy đủ và hợp lệ giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</li> </ol> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 107.580.000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 39.460.000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 68.120.000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 63,3 %.</li> </ol>	Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT Sửa đổi Điều 12 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT
<b>II</b>	<b>TTHC cấp tỉnh</b>			
1	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành	<ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Luật tài nguyên nước</li> <li>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</li> <li>(3) Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</li> </ol>	<p>I. Về trình tự thực hiện:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bổ sung quy định trình tự thực hiện đối với trường hợp công trình chưa khai thác tài nguyên nước với trình tự, thủ tục độc lập với thủ tục cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên Lý do: Việc dự kiến thời gian vận hành công trình để làm căn cứ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước khi công trình chưa đi vào vận hành làm phát sinh thủ tục nộp, thẩm định, trình phê duyệt Quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền</li> <li>2. Quy định cụ thể hơn về nộp hồ sơ đề nghị tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; đồng thời bãi bỏ quy định <i>thực hiện đồng thời với thủ tục gia</i></li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nội dung này đã được sửa đổi tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021</li> <li>2. Nội dung này đã được sửa đổi tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày</li> </ol>

			<p><i>hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước</i></p> <p>Lý do: Nghị định số 82/2017/NĐ-CP mới quy định việc tiếp nhận, thẩm định HS đồng thời với cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước. Chưa quy định việc tổ chức, cá nhân nộp HS như thế nào. Đồng thời việc tính tiền cấp quyền khai thác chỉ thực hiện đồng thời với trường cấp giấy phép tài nguyên nước.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.637.120.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.590.080.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 3.047.040.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 54%.</p>	30/3/2021
2	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	<p>(1) Luật tài nguyên nước</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT</p> <p>(5) Thông tư số 270/2016/TT-BC</p> <p>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về số lượng hồ sơ</p> <p>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</p> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 05 ngày làm việc là đủ thời gian.</p>	<p>1. Sửa khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p>

			<p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.085.440.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.804.416.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 1.245.024.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 13,7 %.</p>	
3	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm</p>	<p>(1) Luật tài nguyên nước (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP (4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT (5) Thông tư số 270/2016/TT-BC (6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Thành phần hồ sơ</p> <p>- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp</p> <p>Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về số lượng hồ sơ</p> <p>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</p> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>5. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p>	<p>1. Sửa khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>3. Bỏ điểm c khoản 2 Điều 30 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>5. Sửa đổi điểm b khoản 1 khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>



			<p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạ, cấp lại trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.673.344.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.839.104.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 834.240.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 22,7 %.</p>	
4	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	<p>(1) Luật tài nguyên nước</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT</p> <p>(5) Thông tư số 270/2016/TT-BC</p> <p>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về số lượng hồ sơ</p> <p>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</p> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 05 ngày làm việc là đủ thời gian.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p>	<p>1. Sửa khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>

			<p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11.535.360.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.774.080.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 1.761.280.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,2 %</p>	
5	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm</p>	<p>(1) Luật tài nguyên nước</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT</p> <p>(5) Thông tư số 270/2016/TT-BC</p> <p>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Thành phần hồ sơ</p> <p>- Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp</p> <p>Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về số lượng hồ sơ</p> <p>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</p> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>5. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạn,</p>	<p>1. Sửa khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>3. Bỏ điểm d khoản 2 Điều 31 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>5. Sửa đổi điểm b khoản 1 khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>

			<p>cấp lại trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.857.280.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.615.424.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 1.241.856.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 12,5 %.</p>	
6	<p>Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm</p>	<p>(1) Luật tài nguyên nước</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT</p> <p>(5) Thông tư số 270/2016/TT-BC</p> <p>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về số lượng hồ sơ</p> <p>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</p> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Công dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 05 ngày làm việc là đủ thời gian.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p>	<p>1. Sửa khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>

			<p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 18.640.320.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.879.360,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 1.760.960.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 9,4 %.</p>	
7	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm</p>	<p>(1) Luật tài nguyên nước</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT</p> <p>(5) Thông tư số 270/2016/TT-BC</p> <p>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Thành phần hồ sơ - Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về số lượng hồ sơ - Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ: Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>5. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạn,</p>	<p>1. Sửa khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>3. Bỏ điểm d khoản 2 Điều 32 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>5. Sửa đổi điểm b khoản 1 khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>

			<p>cấp lại trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.854.400.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.465.280.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 1.389.120.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 14 %.</p>	
8	<p>Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với các hoạt động khác</p>	<p>(1) Luật tài nguyên nước</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT</p> <p>(5) Thông tư số 270/2016/TT-BC</p> <p>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về số lượng hồ sơ</p> <p>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</p> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Công dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 05 ngày làm việc là đủ thời gian.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p>	<p>1. Sửa khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>

			<p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 18.640.320.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 18.640.320.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 0 %.</p>	
9	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với các hoạt động khác</p>	<p>(1) Luật tài nguyên nước</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT</p> <p>(5) Thông tư số 270/2016/TT-BC</p> <p>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Thành phần hồ sơ - Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về số lượng hồ sơ - Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ: Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>5. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạn,</p>	<p>1. Sửa khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>3. Bỏ điểm d khoản 2 Điều 33 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>5. Sửa đổi điểm b khoản 1 khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>

			<p>cấp lại trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.796.160.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.796.160.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 0 %.</p>	
10	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	<p>(1) Luật tài nguyên nước</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014</p> <p>(5) Thông tư số 85/2019/TT-BC ngày 29/11/2019</p> <p>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 0/10/2018</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về thành phần hồ sơ:</p> <p>- Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép;</p> <p>Lý do: tại Đơn đề nghị cấp phép đã có thông tin về doanh nghiệp; cơ quan thẩm định khai thác thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: quyết định thành lập của tổ chức; các văn bằng, chứng chỉ của người chịu</p>	<p>1. Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>2. sửa đổi Điều 12 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>3. Sửa điểm b khoản 1 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất</p>

			<p>trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật</p> <p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Quy định cụ thể thời gian trả kết quả TTHC cho tổ chức, cá nhân,</p> <p>Lý do: pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này, dẫn đến tùy tiện trong quá trình thực hiện.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14.603.520.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.225.920.000</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 4.377.600.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 29,9 %.</p>	<p>4. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>Sửa đổi khoản 5 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p>
11	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ</p>	<p>(1) Luật tài nguyên nước</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014</p> <p>(5) Thông tư số 85/2019/TT-BC ngày 29/11/2019</p> <p>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về thành phần hồ sơ:</p> <p>- Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp</p> <p>Lý do: Trong đơn đề nghị đã có thông tin. Mặt khác thành phần hồ sơ này đã được lưu tại cơ quan cấp phép</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo</p>	<p>1. Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>2. Sửa đổi Điều 12 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>Bổ điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>3. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p>



		ngày 0/10/2018	<p>hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: quyết định thành lập của tổ chức; các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật</p> <p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.639.360.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.450.560.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 2.188.800.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 47,1 %.</p>	
12	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	<p>(1) Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH12 ngày 21/6/2012</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013</p> <p>(3) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện</p> <p>1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.657.024.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.751.392.000 đồng/năm</p>	<p>1. Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>Sửa đổi khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.</p>

			<p>3. Chi phí tiết kiệm: 1.905.632.000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 52,1 %.</p>	
13	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	<p>(1) Luật tài nguyên nước (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP (3) Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện 1. Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả 2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.163.840.000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.894.040.000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 3.269.800.000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 63,3 %.</p>	<p>1. Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT 2. Sửa đổi Điều 12 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p>
14	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	<p>(1) Luật tài nguyên nước (2) Nghị định số: 43/2015/NĐ-CP</p>	<p>I. Về cách thức thực hiện 1. Bổ sung quy định tổ chức cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ Lý do: chưa quy định 2. Bổ sung trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. 3. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của Phương án từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của phương án trong thời gian 03</p>	<p>Sửa đổi khoản 3 Điều 12 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP</p>

			<p>ngày là đủ thời gian. Mặt khác còn khoảng 30 ngày để thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Bổ sung quy định thời gian trả kết quả TTHC</p> <p>Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định, việc quy định cụ thể tránh tùy tiện trong thực hiện.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 579.520.000 đồng/năm</li><li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 499.264.000 đồng/năm</li><li>3. Chi phí tiết kiệm: 80.256.000 đồng/năm.</li><li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 13,8 %.</li></ol>	
--	--	--	---	--

D	KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN		Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa/lợi ích cắt giảm	Phương án thực thi
I	TTHC cấp Bộ			
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	(1) Luật Khí tượng thủy văn (2) Nghị định số 38/2016/NĐ-CP (3) Nghị định số 136//2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018; (4) Nghị định số 48/2020/NĐ-CP	<p>I. Về trình tự thực hiện</p> <p>1. Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.</p> <p>2. Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>3. Về thành phần hồ sơ: - Bãi bỏ “giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh của tổ chức” Lý do: Khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của đội ngũ nhân viên; quyết định thành lập tổ chức. Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 35.305.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 18.275.000</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 17.030.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 48,2 %.</p>	<p>1. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm b, c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p>
2	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh	(1) Luật Khí tượng thủy văn (2) Nghị định số	<p>I. Về trình tự thực hiện</p> <p>1. Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.</p>	<p>1. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p>

	báo khí tượng thủy văn	38/2016/NĐ-CP (3) Nghị định số 136//2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018; (4) Nghị định số 48/2020/NĐ-CP	<p>2. Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>3. Về thành phần hồ sơ: - Bổ Bản sao chứng thực giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đã được cấp. Lý do: cơ quan cấp phép đã lưu thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 21.183.000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.965.000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 10.218.000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 48,2 %.</p>	<p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 15 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p>
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	(1) Luật Khí tượng thủy văn (2) Nghị định số 38/2016/NĐ-CP (3) Nghị định số 136//2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018; (4) Nghị định số 48/2020/NĐ-CP	<p>I. Về trình tự thực hiện</p> <p>1. Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.</p> <p>2. Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 18.560.000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.992.000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 13.568.000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 73 %.</p>	Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 18 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP

4	Thẩm định kế hoạch tác động vào thời tiết	(1) Luật Khí tượng thủy văn (2) Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT	<p>I. Về trình tự thực hiện</p> <p>1. Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.</p> <p>2. Về cách thức thực hiện TTHC: Quy định cụ thể các cách thức thực hiện TTHC và trả kết quả: Lý do: Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT quy định chung chung, chưa cụ thể</p> <p>3. Về số lượng hồ sơ: Giảm từ 05 bộ xuống 01 bộ Lý do: phù hợp với trường hợp nộp qua dịch vụ công trực tuyến; đồng thời việc sao gửi lấy ý kiến các thành viên trong quá trình thẩm định thuộc trách nhiệm của cơ quan thẩm định</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7,181,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6,557,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 624,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 9%.</p>	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT
5	Thẩm định điều chỉnh một phần kế hoạch tác động vào thời tiết	(1) Luật Khí tượng thủy văn (2) Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT	<p>1. Về trình tự thực hiện Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.</p> <p>2. Về cách thức thực hiện TTHC: Quy định cụ thể các cách thức thực hiện TTHC và trả kết quả: Lý do: Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT quy định chung chung, chưa cụ thể</p> <p>3. Về số lượng hồ sơ: Giảm từ 05 bộ xuống 01 bộ Lý do: phù hợp với trường hợp nộp qua dịch vụ công trực tuyến; đồng thời việc sao gửi lấy ý kiến các thành viên trong quá trình thẩm định thuộc trách nhiệm của cơ quan thẩm định</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7,181,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6,557,000 đồng/năm</p>	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT

			3. Chi phí tiết kiệm: 624,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 9%.	
<b>II</b>	<b>TTHC cấp tỉnh</b>			
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	(1) Luật Khí tượng thủy văn (2) Nghị định số 38/2016/NĐ-CP (3) Nghị định số 136//2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018; (4) Nghị định số 48/2020/NĐ-CP	<p>I. Về trình tự thực hiện</p> <p>1. Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.</p> <p>2. Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>3. Về thành phần hồ sơ: - Bãi bỏ “giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh của tổ chức” Lý do: Khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của đội ngũ nhân viên; quyết định thành lập tổ chức. Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 451.904.000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 233.920.000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 217.984.000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 48,2 %.</p>	<p>1. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm b, c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p>

2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	(1) Luật Khí tượng thủy văn (2) Nghị định số 38/2016/NĐ-CP (3) Nghị định số 136//2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018; (4) Nghị định số 48/2020/NĐ-CP	<p>I. Về trình tự thực hiện</p> <p>1. Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.</p> <p>2. Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>3. Về thành phần hồ sơ: - Bổ Bản sao chứng thực giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đã được cấp. Lý do: cơ quan cấp phép đã lưu thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 451.904.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 233.920.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 217.984.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 48,2 %.</p>	<p>1. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 15 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p>
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	(1) Luật Khí tượng thủy văn (2) Nghị định số 38/2016/NĐ-CP (3) Nghị định số 136//2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018; (4) Nghị định số	<p>I. Về trình tự thực hiện</p> <p>1. Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.</p> <p>2. Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p>	Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 18 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP



		48/2020/NĐ-CP	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 296.960.000 đồng/năm</li><li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 79.872.000 đồng/năm</li><li>3. Chi phí tiết kiệm: 217.088.000 đồng/năm.</li><li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 73 %.</li></ol>	
--	--	---------------	---	--

STT	Tên thủ tục hành chính	VBQPPL quy định TTHC	Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa/lợi ích cắt giảm	Phương án thực thi
<b>E</b>	<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO</b>			
<b>I</b>	<b>TTHC cấp Bộ</b>			
1	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP	<p>I. Về trình tự thực hiện</p> <p>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- TTHC thuộc thẩm quyền của Bộ TNMT: Bộ phận tiếp nhận 1 cửa Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> <li>- TTHC của tỉnh: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</li> <li>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</li> </ul> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bỏ thành phần hồ sơ: <i>giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu là doanh nghiệp);</i></li> </ul> <p><i>Lý do: khai thác trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Bỏ báo cáo đánh giá tác động môi trường (trường hợp cùng cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt)</i></li> </ul> <p><i>Lý do: cơ quan cấp phép đã lưu thành thành phần hồ sơ này.</i></p> <p>3. Về số lượng hồ sơ: giảm 02 bộ xuống còn 01 bộ.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 221.704.000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 197.120.000 đồng/năm</li> </ol>	<p>1. Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa điểm c; bỏ điểm d khoản 1 Điều 54 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP</p>

			<p>3. Chi phí tiết kiệm: 24.584.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 11 %.</p>	
2	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP	<p>I. Về trình tự thực hiện</p> <p>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- TTHC thuộc thẩm quyền của Bộ TNMT: Bộ phận tiếp nhận 1 cửa Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> <li>- TTHC của tỉnh: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</li> <li>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</li> </ul> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân được phép nhận chìm ở biển thay đổi tên trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển do thay đổi tên; Lý do: khai thác trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 68.886.000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 58.311.000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 10.575.000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,3 %.</li> </ol>	<p>1. Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Bỏ điểm đ khoản 5 Điều 54 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP</p>
3	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP	<p>I. Về trình tự thực hiện</p> <p>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP</p>

			<p>hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</li> </ul> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 59.541.000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 49.350.000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 10.191.000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 17,1 %.</li> </ol>	
4	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP	<p>I. Về trình tự thực hiện</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- TTHC thuộc thẩm quyền của Bộ TNMT: Bộ phận tiếp nhận 1 cửa Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> <li>- TTHC của tỉnh: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</li> </ul> </li> <li>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</li> </ol> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22.962.000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 19.437.000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 3.525.000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,3 %.</li> </ol>	1. Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP

5	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP	<p>I. Trình tự thực hiện</p> <p>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- TTHC thuộc thẩm quyền của Bộ TNMT: Bộ phận tiếp nhận 1 cửa Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> <li>- TTHC của tỉnh: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</li> <li>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Công dịch vụ công trực tuyến</li> </ul> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22.962.000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 19.437.000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 3.525.000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,3 %.</li> </ol>	1. Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP
6	Giao khu vực biển	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 10/02/2021, theo đó, việc đánh giá TTHC đã được Chính phủ thông qua, hiện nay Bộ chưa đề xuất đơn giản hóa TTHC tại Nghị định này.	
7	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 10/02/2021, theo đó, việc đánh giá TTHC đã được Chính phủ thông qua, hiện nay Bộ chưa đề xuất đơn giản hóa TTHC tại Nghị định này.	
8	Trả lại thời hạn giao khu vực biển	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 10/02/2021, theo đó, việc đánh giá TTHC đã được Chính phủ thông qua, hiện nay Bộ chưa đề xuất đơn giản hóa TTHC tại Nghị định này.	
9	Sửa đổi, bổ sung thời hạn giao khu vực biển	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 10/02/2021, theo đó, việc đánh giá TTHC đã được Chính phủ	

			thông qua, hiện nay Bộ chưa đề xuất đơn giản hóa TTHC tại Nghị định này.	
10	Công nhận khu vực biển	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 10/02/2021, theo đó, việc đánh giá TTHC đã được Chính phủ thông qua, hiện nay Bộ chưa đề xuất đơn giản hóa TTHC tại Nghị định này.	
<b>II</b>	<b>TTHC cấp tỉnh</b>			
1	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP	<p>I. Về trình tự thực hiện</p> <p>Thực hiện đồng thời với TTHC thẩm định đánh giá tác động môi trường.</p> <p>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ:</p> <p>- Bỏ thành phần hồ sơ: <i>giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu là doanh nghiệp);</i></p> <p><i>Lý do: khai thác trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</i></p> <p>- <i>Bỏ báo cáo đánh giá tác động môi trường (trường hợp cùng cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt)</i></p> <p><i>Lý do: cơ quan cấp phép đã lưu thành thành phần hồ sơ này.</i></p> <p>3. Về số lượng hồ sơ: giảm 02 bộ xuống còn 01 bộ.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa:</p> <p>1.773.632.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa:</p> <p>1.676.960.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 96.672.000 đồng/năm.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Bỏ điểm c khoản 1 Điều 54 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP</p>

			4. Tỷ lệ cắt giảm: 5,4 %.	
2	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP	<p>I. Về trình tự thực hiện</p> <p>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 555.716.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 460.600.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 95.116.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 17,1 %.</p>	1. Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP
3	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP	<p>I. Về trình tự thực hiện</p> <p>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ:</p> <p>- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân được phép nhận chìm ở biển thay đổi tên trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển do thay đổi tên;</p> <p>Lý do: khai thác trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Bỏ điểm đ khoản 5 Điều 54 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP</p>

			<p><i>nghiệp.</i></p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 642.936.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 544.236.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 98.700.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,3 %.</p>	
4	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP	<p>I. Về trình tự thực hiện</p> <p>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 642.936.000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 544.236.000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 98.700.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,3 %.</p>	1. Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP
5	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP	<p>I. Về trình tự thực hiện</p> <p>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp</p>	1. Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP



			với tình hình thực tiễn hiện nay. II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 642.936.000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 544.236.000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 98.700.000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,3 %.	
6	Giao khu vực biển	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 10/02/2021, theo đó, việc đánh giá TTHC đã được Chính phủ thông qua, hiện nay Bộ chưa đề xuất đơn giản hóa TTHC tại Nghị định này.	
7	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 10/02/2021, theo đó, việc đánh giá TTHC đã được Chính phủ thông qua, hiện nay Bộ chưa đề xuất đơn giản hóa TTHC tại Nghị định này.	
8	Trả lại thời hạn giao khu vực biển	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 10/02/2021, theo đó, việc đánh giá TTHC đã được Chính phủ thông qua, hiện nay Bộ chưa đề xuất đơn giản hóa TTHC tại Nghị định này.	
9	Sửa đổi, bổ sung thời hạn giao khu vực biển	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 10/02/2021, theo đó, việc đánh giá TTHC đã được Chính phủ thông qua, hiện nay Bộ chưa đề xuất đơn giản hóa TTHC tại Nghị định này.	
10	Công nhận khu vực biển	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 10/02/2021, theo đó, việc đánh giá TTHC đã được Chính phủ thông qua, hiện nay Bộ chưa đề xuất đơn giản hóa TTHC tại Nghị định này.	
<b>III</b>	<b>TTHC cấp huyện</b>			
1	Giao khu vực biển	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 10/02/2021, theo đó, việc đánh giá TTHC đã được Chính phủ thông qua, hiện nay Bộ chưa đề xuất đơn giản hóa TTHC tại Nghị định này.	
2	Gia hạn thời hạn giao khu	Nghị định số	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày	

	vực biển	11/2021/NĐ-CP	10/02/2021, theo đó, việc đánh giá TTHC đã được Chính phủ thông qua, hiện nay Bộ chưa đề xuất đơn giản hóa TTHC tại Nghị định này.	
3	Trả lại thời hạn giao khu vực biển	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 10/02/2021, theo đó, việc đánh giá TTHC đã được Chính phủ thông qua, hiện nay Bộ chưa đề xuất đơn giản hóa TTHC tại Nghị định này.	
4	Sửa đổi, bổ sung thời hạn giao khu vực biển	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 10/02/2021, theo đó, việc đánh giá TTHC đã được Chính phủ thông qua, hiện nay Bộ chưa đề xuất đơn giản hóa TTHC tại Nghị định này.	
5	Công nhận khu vực biển	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 10/02/2021, theo đó, việc đánh giá TTHC đã được Chính phủ thông qua, hiện nay Bộ chưa đề xuất đơn giản hóa TTHC tại Nghị định này.	

STT	Tên thủ tục hành chính	VBQPPL quy định TTHC	Đề xuất đơn giản hóa	Phương án thực thi/lợi ích cắt giảm
<b>G</b>	<b>LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ</b>			
<b>I</b>	<b>TTHC cấp Bộ</b>			
1	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	(1) Luật Đo đạc và bản đồ (2) Nghị định số 27/2019/NĐ-CP	<p><b>1. Về cơ quan tiếp nhận và trả kết quả TTHC:</b> - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ TTHC Bộ phần tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: phù hợp tình hình thực tế hiện nay.</p> <p><b>2. Về thành phần hồ sơ:</b> - Bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Lý do: Khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành về đo đạc và bản đồ, bản khai hoặc tệp tin bản khai quá trình công tác của người phụ trách kỹ thuật theo Mẫu số 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này hoặc chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ Hạng I, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm của người phụ trách kỹ thuật; văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ; hóa đơn hoặc giấy tờ chứng minh sở hữu hoặc quyền sử dụng phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ.</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: quyết định trúng thầu (hoặc quyết định được chọn thầu) của chủ đầu tư, trong đó có nội dung về đo đạc và bản đồ thuộc danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép; văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam đối với nhân viên kỹ thuật là người nước ngoài; hoặc văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, hợp đồng lao động của các nhân viên kỹ</p>	<p>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 33 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 32; khoản 1 Điều 34 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP</p>

			<p>thuật đo đạc và bản đồ là người Việt Nam phù hợp với số lượng và trình độ chuyên môn trong hồ sơ dự thầu đã trúng thầu hoặc hồ sơ được chọn thầu; hóa đơn hoặc giấy tờ chứng minh sở hữu hoặc quyền sử dụng phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ phù hợp với hồ sơ dự thầu đã trúng thầu hoặc hồ sơ được chọn thầu.</p> <p><b>3. Về thời gian giải quyết TTHC:</b> Quy định cụ thể thời gian trả kết giải quyết TTHC cho tổ chức</p> <p>Lý do: Nghị định số 27/2019/NĐ-CP mới quy định thời gian thẩm định, cấp phép; chưa quy định thời gian cơ quan cấp phép gửi kết quả giải quyết TTC cho tổ chức</p> <p><b>Tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ: 24%</b></p>	Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 34 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP
2	Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I	(1) Luật Đo đạc và bản đồ (2) Nghị định số 27/2019/NĐ-CP	<p><b>1. Về cơ quan tiếp nhận và trả kết quả TTHC:</b> - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ TTHC là Văn phòng một cửa của Bộ Tài nguyên và Môi trường Lý do: phù hợp tình hình thực tế hiện nay.</p> <p><b>2. Về thành phần hồ sơ:</b> - Quy định bổ sung thành phần hồ sơ là kết quả sát hạch đạt yêu cầu để đảm bảo thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đầy đủ, rõ ràng.</p>	Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 46 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP
<b>II</b>	<b>TTHC cấp tỉnh</b>			
1	Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	(1) Luật Đo đạc và bản đồ (2) Nghị định số 27/2019/NĐ-CP	<p><b>1. Về cơ quan tiếp nhận và trả kết quả TTHC:</b> - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận thủ tục hành chính hồ sơ đề nghị cấp hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II là Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh Lý do: phù hợp tình hình thực tế hiện nay.</p> <p><b>2. Về thành phần hồ sơ:</b> - Quy định bổ sung thành phần hồ sơ là kết quả sát hạch đạt yêu cầu để đảm bảo thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đầy đủ, rõ ràng.</p>	Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 46 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	VBQPPL quy định TTHC	Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa/lợi ích cắt giảm	Phương án thực thi
<b>H</b>	<b>LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG</b>			
<b>I</b>	<b>TTHC cấp Trung ương</b>			
1.	Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược	Luật BMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT Thông tư số 56/2018/TT-BTC	Không xác định là TTHC thuộc phạm vi được Nghị định số 63/2010/NĐ-CP	Luật BVMT năm 2020
2.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	Luật BMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT Thông tư số 56/2018/TT-BTC	Đã được Luật BVMT năm 2020 điều chỉnh: cắt giảm đối tượng phải lập báo cáo ĐTM	Luật BVMT năm 2020 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT
3.	Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường	Luật BMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
4.	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	Luật BMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
5.	Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	Luật BMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
6.	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Luật BMT năm 2014 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP		

	làm nguyên liệu sản xuất	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT Thông tư số 62/2017/TT-BTC	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
7.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất			
8.	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	Luật BMT năm 2014 Luật Khoáng sản năm 2010 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP Nghị định số 38/2019/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT	Đã được Nghị định số 40/2019/NĐCP, Luật BVMT năm 2020 lồng ghép trong lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Luật BVMT năm 2020 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT
9.	Cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại	Luật BMT năm 2014 Nghị định số 38/2019/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT Thông tư số 59/2017/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
10.	Điều chỉnh Giấy phép xử lý chất thải nguy hại	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP Nghị định số 136/2018/NĐ-C Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
11.	Cấp lại Giấy phép xử lý chất thải nguy hại	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP Nghị định số 136/2018/NĐ-C Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
12.	Cấp Giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện với môi trường	Luật Thuế BVMT năm 2010 Nghị định số 67/2011/NĐ-CP Thông tư số 07/2012/TT-BTNMT	Được lồng ghép cùng thủ tục chứng nhận nhãn sinh thái cho sản phẩm thân thiện với môi trường	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT
13.	Gia hạn Giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện với môi trường	Luật Thuế BVMT năm 2010 Nghị định số 67/2011/NĐ-CP Thông tư số 07/2012/TT-BTNMT	Đổi tên thủ tục (gia hạn = cấp lại) và được lồng ghép cùng thủ tục chứng nhận nhãn sinh thái cho sản phẩm thân thiện với môi trường	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT
14.	Chứng nhận nhãn sinh thái cho sản phẩm thân thiện với môi trường	Thông tư số 41/2013/TT-BTNMT	Được sửa đổi bởi Luật BVMT 2020	Luật BVMT năm 2020 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều

				của Luật BVMT
15.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường		Được sửa đổi bởi Luật BVMT 2020	Luật BVMT năm 2020 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT
16.	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Nghị định số 127/2014/NĐ-CP Nghị định số 107/2016/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
17.	Điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Nghị định số 136/2018/NĐ-CP Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT Thông tư số 185/2016/TT-BTC	Được sửa đổi bởi Luật BVMT 2020	Luật BVMT năm 2020 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT
18.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Thông tư số 55/2018/TT-BTC Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT Quyết định số 796/QĐ-BTNMT	Được sửa đổi bởi Luật BVMT 2020	
19.	Thông báo về việc thay đổi điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường		Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
20.	Chấp thuận liên kết để chuyển giao chất thải nguy hại không có trong Giấy phép xử lý chất thải nguy hại	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT	Được sửa đổi bởi Luật BVMT 2020	Luật BVMT năm 2020 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT
21.	Chấp thuận việc sử dụng các phương tiện vận chuyển không ghi trong Giấy phép xử lý chất thải nguy hại chất thải nguy hại	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
22.	Chấp thuận sử dụng dung dịch khoan nền không nước	Thông tư số 22/2015/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
23.	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	Luật BVMT 2014 Luật Khoáng sản năm 2010 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP
24.	Chấp thuận tách đầu nổi khỏi hệ thống			Nghị định số

	xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT	Bãi bỏ	40/2019/NĐ-CP (khoản 19 Điều 3 quy định các dự án đầu tư thứ cấp mới vào các khu công nghiệp (KCN) phải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN)
25.	Cho phép nhập khẩu phế liệu không thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 62/2017/TT-BTC Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
26.	Chứng nhận, thừa nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP Nghị định số 107/2016/NĐ-CP Nghị định số 74/2018/NĐ-CP Nghị định số 154/2018/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
27.	Chấp thuận miễn kiểm tra chất lượng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
28.	Đăng ký vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
29.	Chấp thuận vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải nguy hại	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
30.	Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu môi trường	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP Thông tư số 22/2020/TT-BTC	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020



31.	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP Nghị định số 60/2016/NĐ-CP	Bãi bỏ	Luật Đầu tư năm 2020
32.	Đánh giá điều kiện về bảo vệ môi trường đối với tàu biển nhập khẩu để phá dỡ	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Bãi bỏ	Luật Đầu tư năm 2020
33.	Chứng minh tổ chức, cá nhân không gây ô nhiễm, suy thoái môi trường	Nghị định số 03/2015/NĐ-CP	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
34.	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Quy định rõ hơn về đối tượng được tham vấn; nội dung tham vấn	Luật BVMT năm 2020 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT
35.	Giải thưởng môi trường Việt Nam	Luật BVMT năm 2014 Thông tư số 62/2015/TT-BTNMT	Không quy định là TTHC	Luật BVMT năm 2020
<b>II</b>	<b>TTHC cấp tỉnh</b>			
36.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư 250/2016/TT-BTC Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT	Đã được Luật BVMT năm 2020 điều chỉnh: cắt giảm đối tượng phải lập báo cáo ĐTM	Luật BVMT năm 2020 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT
37.	Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư 250/2016/TT-BTC Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
38.	Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020

39.	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	Luật BMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
40.	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	Luật BMT năm 2014 Luật Khoáng sản năm 2010 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP Nghị định số 38/2019/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT	Đã được Nghị định số 40/2019/NĐCP, Luật BVMT năm 2020 lồng ghép trong lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Luật BVMT năm 2020 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT
41.	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Quy định rõ hơn về đối tượng được tham vấn; nội dung tham vấn	Luật BVMT năm 2020 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT
42.	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	Luật BMT năm 2014 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
43.	Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (khoản 19 Điều 3 quy định các dự án đầu tư thứ cấp mới vào các khu công nghiệp (KCN) phải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN)
44.	Đăng ký xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư 250/2016/TT-BTC	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020

		Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT		
45.	Đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư 250/2016/TT-BTC Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
46.	Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	Luật BVMT 2014 Luật Khoáng sản năm 2010 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP
47.	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
48.	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
<b>III</b>	<b>TTHC cấp huyện</b>			
49.	Đăng ký xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư 250/2016/TT-BTC Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
50.	Đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Thông tư 250/2016/TT-BTC Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT	Bãi bỏ	Luật BVMT năm 2020
51.	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Quy định rõ hơn về đối tượng được tham vấn; nội dung tham vấn	Luật BVMT năm 2020 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT

<b>IV</b>	<b>TTHC cấp xã</b>			
52.	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	Luật BVMT năm 2014 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Quy định rõ hơn về đối tượng được tham vấn; nội dung tham vấn	Luật BVMT năm 2020 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT